TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 06/9/2021
V/v: "Ly hôn; tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Tuấn.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;
2. Ông Nguyễn Việt Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hải Minh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy– Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 128/2021/TLST-HNGĐ ngày 24/6/2021 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 140/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 118/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Vũ Đình V, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Xã D, huyện K, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1989.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Xã D, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú hiện nay: Đảo Síp.

3. Người làm chứng: Bà Dương Thị B, sinh năm 1964, địa chỉ: Thôn B, xã Kim Xuyên, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự và người làm chứng đều vắng mặt. (Anh V có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, anh Vũ Đình V trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị K được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào ngày 09 tháng 4 năm 2006 tại UBND xã D, huyện K, tỉnh Hải Dương. Sau khi chung sống với nhau được một thời gian thì năm 2011, chị K đi lao động tại Đảo Síp. Thời gian đầu, vợ chồng vẫn thường

xuyên liên lạc, hỏi thăm sức khỏe của nhau. Tuy nhiên, sau khoảng 01 năm sống xa nhau, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị K ít liên lạc về hỏi thăm sức khỏe anh V và các con, nếu liên lạc thì chị K chỉ hỏi thăm sức khỏe và nói chuyện với các con, còn vợ chồng không nói chuyện, không chia sẻ được với nhau, không ai quan tâm đến cuộc sống riêng của nhau. Mặc dù, anh V cố gắng liên lạc với chị K nhiều lần để vợ chồng hàn gắn nhưng không được và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Anh V xác định mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị K. Về địa chỉ của chị Nguyễn Thị K tại Đảo Síp, anh V cũng không biết được địa chỉ chính xác của chị K.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh V, chị K có 02 con chung là cháu Vũ Đình M (sinh ngày 19/5/2007), cháu Vũ Đình Q (sinh ngày 20/7/2011) đang ở cùng với anh V tại Thôn B, xã D, huyện K, tỉnh Hải Dương. Khi ly hôn, để đảm bảo cuộc sống ổn định của các con, anh V đề nghị Tòa án giao cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị K cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình: Anh V không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bà Dương Thị B là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị K. Tại các biên bản lấy lời khai ngày 30/6/2021 và 09/7/2021, bà B trình bày: Chị K và anh V được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào ngày 09 tháng 4 năm 2006 tại UBND xã D, huyện K, tỉnh Hải Dương. Hiện nay, chị K đang lao động tại Đảo Síp. Chị K đã được bà thông báo các nội dung văn bản tố tụng của Tòa án gửi. Sau khi được bà thông báo, chị K thông tin lại và xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị K nhất trí đồng ý ly hôn anh V. Do chị K không cung cấp địa chỉ cụ thể ở Đảo Síp và bản thân bà cũng không nắm được nên bà không thể cung cấp cho Tòa án. Về con chung, chị K và anh V có 02 con chung là cháu Vũ Đình M (sinh ngày 19/5/2007), cháu Vũ Đình Q (sinh ngày 20/7/2011). Khi ly hôn, để đảm bảo cuộc sống ổn định của các con, chị K đồng ý để anh V tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Theo thông tin do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cung cấp tại Công văn số 15453/QLXNC-P5 ngày 12/7/2021 thể hiện: Chị Nguyễn Thị K, sinh ngày 01/01/1989 tại Hải Dương, CMND số: 142452753, địa chỉ thường trú tại: Huyện K, tỉnh Hải Dương; đã sử dụng hộ chiếu số C0530775 do Cục quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 30/7/2015 để xuất nhập cảnh lần gần nhất ngày 25/9/2015 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt (Anh V có đơn xin xét xử vắng mặt).

Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn cơ bản đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn của anh V và chị K đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận xử cho anh Vũ Đình V được ly hôn chị Nguyễn Thị K; về con chung, giao cháu Vũ Đình M và cháu Vũ Đình Q cho anh V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị K không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về án phí: Anh V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Vũ Đình V có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Hải Dương, có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị Nguyễn Thị K, là người Việt Nam hiện đang sinh sống tại Đảo Síp. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 37, Điều 39, Điều 464 BLTTDS, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa, anh V vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị K vắng mặt lần thứ hai, căn cứ Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo quy định. Tòa án xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh V và chị K được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào ngày 09 tháng 4 năm 2006 tại UBND xã D, huyện K, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian. Năm 2011, chị K đi lao động tại Đảo Síp. Thời gian đầu, chị K vẫn thường xuyên liên lạc về hỏi thăm sức khỏe của anh V và gia đình. Tuy nhiên, sau một thời gian sống xa nhau, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị K ít liên lạc về hỏi thăm sức khỏe gia đình, nếu liên lạc thì vợ chồng không nói chuyện mà chỉ hỏi thăm sức khỏe các con, vợ chồng không chia sẻ được với nhau, không ai quan tâm đến cuộc sống riêng của nhau. Mặc dù đã được gia đình và bạn bè khuyên nhủ nhưng vợ chồng không thể hàn gắn và ly thân từ đó đến nay. Mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa anh V, chị K cũng được gia đình chị K xác

nhận. HĐXX xét thấy, hôn nhân của anh V và chị K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mỗi người ở một nước khác nhau, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho anh V ly hôn với chị K là phù hợp quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ nuôi con chung: Vợ chồng anh V và chị K có 02 con chung là cháu Vũ Đình M (sinh ngày 19/5/2007), cháu Vũ Đình Q (sinh ngày 20/7/2011). Hiện nay, cháu M và cháu Q đang do anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Anh V đề nghị Tòa án cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu để đảm bảo cuộc sống ổn định của con và không yêu cầu chị K cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét thấy, việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung vừa là quyền vừa là nghĩa vụ của cha, mẹ. Bản thân anh V có chỗ ở ổn định, có sức lao động nên đủ điều kiện nuôi con. Chị K đang đi lao động ở nước ngoài. Cháu M và cháu Q đều có nguyện vọng được ở với bố. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung cũng như phù hợp với thực tế và nguyện vọng của các đương sự nên việc giao con chung cho anh V nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Sau này, chị K về Việt Nam sinh sống có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về việc thay đổi quyền nuôi con theo quy định. Do anh V tự nguyện tạm thời chưa yêu cầu chị K cấp dưỡng nên Tòa án không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con chung, sau này anh V có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Anh V và chị K không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Anh V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 464 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Đình V. Xử cho anh Vũ Đình V ly hôn chị Nguyễn Thị K.

2. Về quan hệ nuôi con chung: Giao cho anh Vũ Đình V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Vũ Đình M (sinh ngày 19/5/2007) và cháu Vũ Đình Q (sinh ngày 20/7/2011) đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành. Anh V tự nguyện không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con chung. Anh V có quyền khởi kiện yêu cầu chị K cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Vũ Đình V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm dân sự (Hôn nhân và gia đình), đối trừ với 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, theo biên lai thu số AA/2018/0006374 ngày 24/6/2021. Anh V đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày; chị K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã C, huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Lưu Tòa.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thanh Tuấn